

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /GPMT-UBND

Đắk Lắk, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 170/QĐ-STNMT ngày 09/10/2013 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt Đề án Bảo vệ môi trường chi tiết đối với các trạm biến áp và đường dây 110kV tỉnh Đắk Lắk;

Xét Văn bản số 11225/ĐLPC-KT ngày 07/10/2024 của Công ty Điện lực Đắk Lắk về việc đề nghị cấp GPMT của dự án “Các trạm biến áp và đường dây 110kV tỉnh Đắk Lắk và hồ sơ bổ sung ngày 7/11/2024;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 383 /TTr-STNMT ngày 11/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty Điện lực Đắk Lắk, địa chỉ tại số 02 đường Số 02 đường Lê Duẩn, Phường Tân Tiến, Thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án đầu tư “Các trạm biến áp và đường dây 110kV tỉnh Đắk Lắk” tại địa bàn các huyện: Ea H’Leo, Krông Búk, Buôn Hồ, Krông Năng, Ea Kar, Krông Pắc, Cư M’Gar, Cư Kuin, Krông Ana và Thành phố Buôn Ma Thuột với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư

1.1. Tên dự án đầu tư: “Các trạm biến áp và tuyến đường dây 110kV tỉnh Đắk Lắk”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Trên địa bàn thành phố Buôn Ma Thuột và các huyện: Ea H'Leo, Krông Búk, Buôn Hồ, Krông Năng, Ea Kar, Krông Pắc, Cư M'Gar, Cư Kuin, Krông Ana, thuộc tỉnh Đắk Lắk.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101394-012 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp; đăng ký lần đầu ngày 26/5/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 14/03/2019.

1.4. Mã số thuế: 0400101394-012.

1.5. Loại hình kinh doanh, dịch vụ: Truyền tải và phân phối điện năng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính Phủ.

- Quy mô: Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất: Dự án gồm 07 trạm biến áp 110kV; 01 Kho vật tư -Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk; 08 tuyến đường dây tải điện 110kV với quy mô, công suất như sau:

a. Trạm biến áp 110kV

+ Trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuột (Khối 8, đường Võ Thị Sáu, phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột): Diện tích là 3.627,2 m²; gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 80MVA (T1 - 40MVA, T2 - 40MVA).

+ Trạm biến áp 110kV Ea Kar (Buôn Tơng Sinh, xã Ea Đar, huyện Ea Kar): Diện tích là 4.600,1 m², gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 65MVA (T1 - 40MVA, T2 - 25MVA).

+ Trạm biến áp 110kV Krông Ana (Km 13, QL 27, xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin): Diện tích là 7.337 m²; gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 65MVA (T1 - 40MVA, T2 - 25MVA)

+ Trạm biến áp 110kV Ea Tam (số 87 Tổ Hữu, phường Khánh Xuân, thành phố Buôn Ma Thuột): Diện tích là 7.962,7 m²; gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 80MVA (T1 - 40MVA, T2 - 40MVA).

+ Trạm biến áp 110kV Hòa Thuận (Khối 12, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột): Diện tích là 5.466 m², gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 65MVA (T1 - 40MVA, T2 - 25MVA).

+ Trạm biến áp 110kV Cư M'Gar (Xã Ea Kpam, huyện Cư M'gar): Diện tích là 6.148,3 m², gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 65MVA (T1 - 40MVA, T2 - 25MVA).

+ Trạm biến áp 110kV Ea H'Leo (Tổ dân phố 9, thị trấn Ea Đăng, huyện

EaH'Leo): Diện tích là 4.697,3 m², gồm 02 máy biến áp 110/35/22kV với tổng công suất lắp đặt 65MVA (T1 - 40MVA, T2 - 25MVA).

+ 01 Kho vật tư -Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk (53 Trần Quý Cáp, Phường Ea Tam, thành phố Buôn Ma Thuột): Diện tích là 14.322 m²

b. Đường dây tải điện 110kV

+ Krông Búk - Ea Kar: Chiều dài tuyến 31,27 km; điểm đầu thuộc thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk; điểm cuối thuộc xã Ea Đar, huyện Ea Kar

+ Buôn Kuốp - Buôn Ma Thuột: Chiều dài tuyến 23,21 km; điểm đầu thuộc xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột; điểm cuối thuộc phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Buôn Kuốp - Cư Jút: Chiều dài tuyến 16,563 km; điểm đầu xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột; điểm cuối thuộc xã Hòa Phú, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Krông Búk - Buôn Ma Thuột: Chiều dài tuyến 43,136 km, điểm đầu thuộc thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk; điểm cuối thuộc phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột.

+ Krông Búk - Cư M'gar: Chiều dài tuyến 19,270 km; điểm đầu thuộc thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk; điểm cuối thuộc xã Ea Tul, huyện Cư M'gar.

+ Buôn Ma Thuột -Krông Ana: Chiều dài tuyến 8,810 km; điểm đầu thuộc phường Tân Lập, thành phố Buôn Ma Thuột; điểm cuối thuộc xã Ea Tiêu, huyện Cư Kuin.

+ Krông Buk - Ea H'Leo: Chiều dài tuyến 34,346 km; điểm đầu thuộc thị trấn Pong Drang, huyện Krông Búk; điểm cuối thuộc xã Ea Sol, huyện Ea H'Leo.

+ Ajunpa - Ea H'Leo: Chiều dài tuyến 22,738 km; điểm đầu thuộc xã Ea Sol, huyện Ea H'leo; điểm cuối thuộc thị trấn Ea Đăng, huyện Ea H'Leo, tỉnh Đăk Lăk.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Điện lực Đắk Lắk khi được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Điện lực Đắk Lắk có trách nhiệm:

2.1. Phân loại, quản lý, lưu trữ chất thải đúng quy định; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc phát sinh chất thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**, kể từ ngày cấp Giấy phép.

Giấy xác nhận hoàn thành việc thực hiện Đề án bảo vệ môi trường chi tiết số 1356/STNMT-BVMT ngày 30/7/2014 của Sở Tài nguyên và Môi trường hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND các huyện: Ea H'Leo, Krông Búk, Buôn Hồ, Krông Năng, Ea Kar, Krông Pắc, Cư M'Gar, Cư Kuin, Krông Ana và thành phố Buôn Ma Thuột tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (để báo cáo);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thành phố Buôn Ma Thuột và UBND các huyện: Ea H'Leo, Krông Búk, Buôn Hồ, Krông Năng, Ea Kar, Krông Pắc, Cư M'Gar, Cư Kuin, Krông Ana.
- Trung tâm Phục vụ HCC của tỉnh;
- TTCN và Công TTĐT tỉnh (để đăng tải);
- Công ty Điện lực Đắk Lắk;
- (Đ/c: Số 02 Lê Duẩn, phường Tân Tiến, thành phố Buôn Ma Thuột);
- Lưu: VT, NNMT (H. 06b)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải.

Nguồn số 01: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuột

Nguồn số 02: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Ea Kar

Nguồn số 03: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Krông Ana

Nguồn số 04: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Ea Tam

Nguồn số 05: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Hòa Thuận

Nguồn số 06: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Cư M'Gar

Nguồn số 07: Nhà vệ sinh trạm biến áp 110kV Ea H'Leo

Nguồn số 08: Nhà vệ sinh tại nhà làm việc của Kho Vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk.

Nguồn số 09: Nhà vệ sinh tại nhà bảo vệ của Kho vật tư-Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk.

Nguồn số 10: Nhà vệ sinh tại nhà làm việc Hot-line của Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, vị trí chuyển giao nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh tại 07 trạm biến áp 110kv và tại Kho Vật tư, thiết bị điện và Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk được thu gom, xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn. Khi bể tự hoại đầy, Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường tại khu vực dự án.

2.2. Vị trí chuyển giao nước thải (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°).

- Nguồn số 01: Trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuột. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: X = 1402013,48, Y = 453974,19.

- Nguồn số 02: Trạm biến áp 110kV Ea Kar. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: X = 1417033,07; Y = 496609,12.

- Nguồn số 03: Trạm biến áp 110kV Krông Ana. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1395225,63$; $Y = 459479,05$.

- Nguồn số 04: Trạm biến áp 110kV Ea Tam. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1395839,35$; $Y = 445489,48$.

- Nguồn số 05: Trạm biến áp 110kV Hòa Thuận. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1407388,11$; $Y = 455678,38$.

- Nguồn số 06: Trạm biến áp 110kV Cư M'Gar. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1423423,89$; $Y = 457382,79$.

- Nguồn số 07: Trạm biến áp 110kV Ea H'Leo. Tọa độ vị trí xả nước thải: $X = 1461959,78$; $Y = 467766,82$.

- Nguồn số 08: Nhà làm việc của Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1400640,49$; $Y = 450087,80$.

- Nguồn số 09: Nhà bảo vệ của Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1400605,47$; $Y = 450091,89$.

- Nguồn số 10: Nhà làm việc Hot-line của Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk. Tọa độ vị trí chuyển giao nước thải: $X = 1400615,95$; $Y = 450219,68$.

2.3. Phương thức chuyển giao nước thải

Hiện nay các Trạm biến áp hoạt động theo chế độ không người trực nên lưu lượng nước thải sinh hoạt phát sinh rất ít (chỉ phát sinh khi có cán bộ xuống kiểm tra hoặc sửa chữa). Khi các bể tự hoại đầy, Công ty Điện lực Đăk Lăk hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển lượng nước thải này đi xử lý theo đúng quy định, không xả thải ra môi trường tại khu vực dự án.

Hình thức chuyển giao: Bằng xe chuyên dụng của đơn vị nhận chuyển giao (Xe chuyên dụng phải đảm bảo có đủ điều kiện tham gia giao thông theo quy định của pháp luật về giao thông; có thiết bị, khoang chứa nước thải kín, chống thấm, chống rò rỉ, chống phát tán mùi, chống ăn mòn do nước thải được vận chuyển).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

- Nguồn số 01: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuột được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $2,45\text{m}^3$ (kích thước 1,7m x 1,2m x 1,2m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 02: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Ea Kar được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $3,2\text{m}^3$ (kích thước 3,2m x 1,0m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 03: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Krông Ana được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $4,75\text{m}^3$ (kích thước 3,6m x 1,1m x 1,2m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 04: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Ea Tam được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $3,8\text{m}^3$ (kích thước 3,8m x 1,0m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 05: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Hòa Thuận được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $3,4\text{m}^3$ (kích thước 2,5m x 1,36m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 06: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Cư M'Gar được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $4,75\text{m}^3$ (kích thước 3,6m x 1,1m x 1,2m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 07: Nước thải từ khu nhà vệ sinh tại trạm biến áp 110kV Ea H'Leo được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $3,6\text{m}^3$ (kích thước 3,6m x 1,0m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên trạm.

- Nguồn số 08: Nước thải từ khu nhà vệ sinh của nhà làm việc tại Kho vật tư -Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $4,8\text{m}^3$ (kích thước 4,0m x 1,2m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên Kho vật tư -Thiết bị, tòa nhà làm việc của Trung tâm thí nghiệm Điện.

- Nguồn số 09: Nước thải từ khu nhà vệ sinh của nhà bảo vệ tại Kho vật tư -Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk được thu gom theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $4,8\text{m}^3$ (kích thước 4,0m x 1,2m x 1,0m) đặt ngầm trong khuôn viên Kho vật tư -Thiết bị, tòa nhà làm việc của Trung tâm thí nghiệm Điện.

- Nguồn số 10: Nước thải từ khu nhà vệ sinh của nhà làm việc Hotline tại Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk được thu gom

theo hệ thống ống dẫn PVC (D114mm) về bể tự hoại 03 ngăn thể tích $4,8\text{m}^3$ (kích thước $4,0\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,0\text{m}$) đặt ngầm trong khuôn viên Kho vật tư -Thiết bị, tòa nhà làm việc của Trung tâm thí nghiệm Điện.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các Trạm biến áp và từ Kho vật tư -Thiết bị, tòa nhà làm việc của Trung tâm thí nghiệm Điện được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý sơ bộ. Quy trình xử lý sơ bộ nước thải như sau:

Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → Hợp đồng với đơn vị có chức năng đề thu gom, vận chuyển và xử lý.

- Kết cấu bể tự hoại 03 ngăn: xây bằng gạch, nền xi măng, phía trên có nắp đậy kín, được chống thấm theo quy định.

- Dung tích thiết kế:

+ Trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuật: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $2,45\text{m}^3$ (kích thước $1,7\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,2\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Ea Kar: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $3,2\text{m}^3$ (kích thước $3,2\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Krông Ana: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $4,75\text{m}^3$ (kích thước $3,6\text{m} \times 1,1\text{m} \times 1,2\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Ea Tam: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $3,8\text{m}^3$ (kích thước $3,8\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Hòa Thuận: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $3,4\text{m}^3$ (kích thước $2,5\text{m} \times 1,36\text{m} \times 1,0\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Cư M'Gar: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $4,75\text{m}^3$ (kích thước $3,6\text{m} \times 1,1\text{m} \times 1,2\text{m}$).

+ Trạm biến áp 110kV Ea H'Leo: Bể tự hoại 03 ngăn có thể tích khoảng $3,6\text{m}^3$ (kích thước $3,6\text{m} \times 1,0\text{m} \times 1,0\text{m}$).

+ Kho vật tư -Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk: 03 bể tự hoại 03 ngăn bố trí tại khu nhà làm việc, nhà bảo vệ và nhà làm việc Hotline; thể tích mỗi bể khoảng $4,8\text{m}^3$ (kích thước $4,0\text{m} \times 1,2\text{m} \times 1,0\text{m}$).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý sơ bộ nước thải:

- Đảm bảo vận hành công trình xử lý sơ bộ đối với nước thải sinh hoạt

đúng quy trình kỹ thuật.

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng để ứng phó, khắc phục sự cố cho các hệ thống xử lý nước thải. Thực hiện kiểm tra, giám sát hệ thống thu gom nước thải, thoát nước thải sau xử lý để phòng ngừa tình trạng tắc nghẽn hệ thống.

- Khi xảy ra sự cố đối với công trình, thiết bị xử lý nước thải, phải tạm dừng các hoạt động tại các công đoạn phát sinh để kiểm tra, khắc phục.

- Vận hành các hệ thống xử lý sơ bộ nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Chủ dự án có trách nhiệm thu gom triệt để lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của Dự án và hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý nước thải sinh hoạt theo đúng quy định, không xả nước thải ra môi trường tại khu vực dự án.

3.2. Xây dựng hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải, đảm bảo yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành Dự án.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình thu gom, xử lý sơ bộ nước thải trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng.

3.4. Công ty Điện lực Đắk Lắk chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra ngoài môi trường.

Phụ lục 2

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn: Tiếng ồn do hoạt động của các máy biến áp tại các trạm biến áp 110kV (do các máy được lắp đặt tiếp giáp nhau nên tiếng ồn được xác định tại vị trí giữa 02 máy biến áp).

- Nguồn số 01: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Buôn Ma Thuột
- Nguồn số 02: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Ea Kar
- Nguồn số 03: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Krông Ana
- Nguồn số 04: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Ea Tam
- Nguồn số 05: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Hòa Thuận
- Nguồn số 06: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Cư M'Gar
- Nguồn số 07: Máy biến áp T1, T2 trạm 110kV Ea H'Leo
- Nguồn số 08: Máy móc, thiết bị kiểm định tại Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn (Theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}30'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 01: X = 1402013,48, Y = 453974,19
- Nguồn số 02: X = 1417033,07; Y = 496609,12
- Nguồn số 03: X = 1395225,63; Y = 459479,05
- Nguồn số 04: X = 1395839,35; Y = 445489,48
- Nguồn số 05: X = 1407388,11; Y = 455678,38
- Nguồn số 06: X = 1423423,89; Y = 457382,79
- Nguồn số 07: X = 1461959,78; Y = 467766,82
- Nguồn số 08: X = 1400640,49; Y = 450087,80

3. Tiếng ồn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.

QCVN 24:2016/BYT	QCVN 26:2010/BTNMT		
≤ 85 dBA	Từ 6 giờ - 21 giờ: 70 dBA	Từ 21 giờ - 6 giờ: 55 dBA	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn:

- Trong quá trình vận hành thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng máy biến áp, kiểm tra và thực hiện thử nghiệm định kỳ hằng năm đối với các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo vận hành đúng thiết kế và phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.

- Trồng cây xanh xung quanh khuôn viên các trạm biến áp và tại Kho vật tư - Thiết bị điện, Trung tâm thí nghiệm điện Đắc Lắc để điều hòa điều kiện vi khí hậu và giảm thiểu phát tán tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Thực hiện các biện pháp quản lý trong quá trình hoạt động để giảm thiểu tiếng ồn; thực hiện kiểm tra, thử nghiệm, bảo dưỡng định kỳ máy biến áp, các thiết bị máy móc đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật theo thiết kế ban đầu.

2.3. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

Phụ Lục 3

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024
của UBND tỉnh Đắk Lắk)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chứng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

a. Trạm biến áp 110kV Buôn Ma Thuột

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

b. Trạm biến áp 110kV Ea Kar

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

c. Trạm biến áp 110kV Krông Ana

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp	17 02 03	20

	thải		
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

d. Trạm biến áp 110kV Ea Tam

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05

11	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

e. Trạm biến áp 110kV Hòa Thuận

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

f. Trạm biến áp 110kV Cư M'Gar

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Son, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

g. Trạm biến áp 110kV Ea H'Leo

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	01
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	01

3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	01
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	20
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	20
6	Máy biến thế và tụ điện thải có PCB	19 02 01	200
8	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	50
9	Ắc quy chì thải	19 06 01	10
10	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	05
11	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	01
12	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	05
13	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	10
Tổng			324

h. Khối lượng CTNH lưu giữ tại Kho vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đắc Lắc (tiếp nhận chất thải chung cho toàn Công ty Điện lực Đắc Lắc)

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	08 02 04	30
2	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải.	16 01 06	20
3	Dầu thủy lực tổng hợp thải	17 01 06	20
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	25
5	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	19 02 06	500
6	Máy biến thế và tụ điện thải có chứa PCB	19 02 01	1.000
7	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa	18 01 02	3.500

	bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải		
8	Thiết bị điện thải	16 01 13	1.500
9	Thiết bị điện thải có CFC, HCFC, HFC	19 02 03	500
10	Pin, ắc quy thải	19 06 01	500
11	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	1.200
12	Sơn, mực, chất kết dính và nhựa thải có các thành phần nguy hại	16 01 09	28
13	Dầu truyền nhiệt và cách điện tổng hợp thải	17 03 04	6.000
14	Các loại pin, ắc quy khác	19 06 05	200
Tổng			15.023

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Các trạm biến áp 110kV vận hành theo chế độ không người trực, không có tổ chức các hoạt động ăn uống sinh hoạt tại trạm. Do đó, chỉ phát sinh chất thải rắn sinh hoạt chỉ phát sinh khi có nhân viên sửa chữa bảo dưỡng tại Trạm biến áp. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là chất thải thực phẩm (vỏ chai nước, hộp cơm), khối lượng phát sinh khoảng 3,5kg/ngày.

Đối với Kho Vật tư – Thiết bị và Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân viên và khách hàng ra vào dự án. Thành phần chất thải gồm có: chất thải thực phẩm (thức ăn thừa, vỏ trái cây các loại...) và chất thải có khả năng tái sử dụng, tái chế (giấy báo các loại, vỏ chai lọ đựng nước, bao bì đựng thực phẩm thải...): Tổng khối lượng phát sinh khoảng 76 kg/ngày.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

CTNH được lưu chứa đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Các loại CTNH được phân thành từng nhóm để bố trí khu vực lưu chứa phù hợp.

- Chất thải lỏng và CTNH có kích cỡ nhỏ (giẻ lau, hộp mực in...) được lưu chứa tạm thời trong các thùng chứa loại 100 lít, 200 lít và 240 lít. Các thùng

chứa được dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại và biển cảnh báo riêng biệt theo đúng quy định

- Bố trí các khu vực riêng biệt trong kho lưu chứa để lưu chứa tạm thời đối với các loại CTNH khác (như thiết bị điện thải, máy biến áp thải, máy biến thế thải...). Khu vực lưu chứa đối với từng loại CTNH được dán nhãn, ghi mã số chất thải nguy hại và biển cảnh báo riêng biệt theo đúng quy định

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích khu vực lưu giữ CTNH là 302,4m² (kích thước 18m x 16,8m).

- Thiết kế, cấu tạo của kho đảm bảo theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT được xây dựng bằng bê tông cốt thép, mặt sàn đổ bê tông đảm bảo kín khít, không bị thấm thấu không bị nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; Có mái che kín nằng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, nền bê tông chống thấm, có dán nhãn cảnh báo và trang bị đầy đủ dụng cụ ứng phó sự cố rò rỉ, thiết bị phòng cháy chữa cháy đúng quy định.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển CTNH đi xử lý theo quy định.

- Hiện nay, Công ty Điện lực Đắk Lắk đã hợp đồng với Công ty TNHH TM&XD An Sinh để mua bán tài sản (CTNH) đấu giá, thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định (*Theo hợp đồng mua bán tài sản đấu giá và chuyển giao chất thải nguy hại số 446/2024/HĐ-ĐLPC + GLPC+ KTPC+ ĐNPC + AS ngày 11/9/2024*).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại các Trạm biến áp 110kV được phân loại, thu gom vào các thùng chứa (dung tích 60 lít) đặt trong khu vực nhà bảo vệ của trạm.

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Kho Vật tư – Thiết bị và Trung tâm thí nghiệm điện Đắk Lắk được phân loại, lưu chứa trong các thùng chứa (dung tích 60 lít, 120 lít), bố trí dọc tuyến đường nội bộ, các kho vật tư thiết bị và tại tòa nhà làm việc.

2.1.3. Biện pháp xử lý:

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển đi xử lý theo quy định, cụ thể hiện nay:

- Đối với các TBA 110kV Buôn Ma Thuột, Hòa Thuận được hợp đồng chuyển giao cho Công ty TNHH môi trường Đông Phương xử lý (*Theo hợp đồng số 234/2020/HĐ/DV ngày 01/3//2020*).

- Đối với TBA 110kV Krông Ana được hợp đồng chuyển giao cho Công ty TNHH một thành viên quản lý môi trường đô thị Cư Kuin xử lý (Theo hợp đồng số 21/2019/HĐKT ngày 04/02/2020).

- Đối với các TBA 110kV Ea Kar, Ea H'Leo, Cư M'Gar, Ea Tam: Do cách xa khu dân cư và không có đơn vị dịch vụ thu gom trong khu vực, nên chất thải rắn sinh hoạt phát sinh được nhân viên sửa chữa tại trạm thu gom vào túi đựng rác và mang bỏ vào thùng rác công cộng, không vứt bỏ ra môi trường.

- Đối với Kho Vật tư - Thiết bị, Trung tâm thí nghiệm điện Đăk Lăk: hợp đồng với Công ty CP Đô thị và Môi trường tỉnh Đăk Lăk thu gom xử lý (Theo hợp đồng số 36/TP/HĐ-Cty ngày 21/8/2023).

3. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Bố trí thiết bị, phương tiện để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn, thu gom chất thải phù hợp với số lượng, chủng loại chất thải phát sinh đảm bảo theo quy định của pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Xây dựng, thực hiện các phương án phòng ngừa, ứng phó với sự cố trong quá trình vận hành như: cháy nổ, tai nạn lao động, sự cố rò rỉ dầu, tràn dầu máy biến áp, sự cố của hệ thống xử lý nước thải theo quy định của pháp luật. Thực hiện thủ tục thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

2. Xây dựng phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn về điện, thường xuyên tổ chức giám sát điện từ trường tại các Trạm biến áp và các tuyến đường dây tiếp giáp với các điểm dân cư, đường giao thông.

3. Công ty Điện lực Đăk Lăk có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 4

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG (HOẶC VĂN BẢN TƯƠNG ĐƯƠNG QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG)

Không có hạng mục, công trình bảo vệ môi trường phải tiếp tục thực hiện sau khi được cấp Giấy phép môi trường này.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý tất cả các loại chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án, bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu chứa chất thải phải đảm bảo đáp ứng các quy định pháp luật. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn giao thông, an toàn điện. Thực hiện thủ tục thẩm duyệt thiết kế về PCCC theo đúng quy định, tuân thủ đầy đủ các trách nhiệm về công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố tràn đổ, rò rỉ dầu máy biến áp. Thực hiện các trách nhiệm, yêu cầu của đơn vị quản lý hệ thống thu gom, thoát nước của khu vực theo quy định.

3. Công ty Điện lực Đắk Lắk phải tổ chức thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường đã đề cập trong Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường; áp dụng các biện pháp quản lý và kỹ thuật phù hợp để hạn chế tối đa các tác động do tiếng ồn và các tác động khác gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh. Tuân thủ các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường hiện hành có liên quan; đảm bảo các yêu cầu về an toàn, vệ sinh môi trường và tiêu thoát nước theo quy định. Đền bù, khắc phục sự cố môi trường nếu để xảy ra sự cố môi trường trong quá trình thực hiện Dự án theo quy định của pháp luật về bảo

vệ môi trường hiện hành.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới ban hành./.